Ký bởi: BỘ TÀI CHÍNH
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo
Thời gian ký: 07/08/2026 18:23:46 +07:00

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2128 /QĐ-BTC	*Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Danh mục tài sản cố định đặc thù và Danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung một điều tại Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025) quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025) quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này:

1. Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính quy định tại Phụ lục I.

2. Danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính quy định tại Phụ lục II.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Thực hiện việc phân loại, ghi sổ kế toán, hạch toán và theo dõi, quản lý các tài sản thuộc Danh mục ban hành kèm theo Quyết định này theo quy định của Thông tư số 141/2025/TT-BTC và pháp luật có liên quan.

b) Kịp thời rà soát, báo cáo Bộ trưởng (qua Cục Kế hoạch - Tài chính) xem xét điều chỉnh, bổ sung các Danh mục (nếu có), bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản lý và quy định của pháp luật.

2. Cục Kế hoạch – Tài chính:

a) Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này tại các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

b) Tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ sung Danh mục (nếu có), đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành:

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ năm tài chính 2026.

2. Bãi bỏ các quyết định sau đây:

a) Quyết định số 1702/QĐ-BTC ngày 09/8/2023 của Bộ Tài chính quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập) tại các đơn vị dự toán thuộc Bộ Tài chính.

b) Quyết định số 1703/QĐ-BTC ngày 09/8/2023 của Bộ Tài chính bãi bỏ Quyết định 2447/QĐ-BTC ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định danh mục tài sản cố định có nguyên giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng tại các đơn vị thuộc hệ thống Kho bạc Nhà nước.

c) Quyết định số 2016/QĐ-BKHĐT ngày 20/12/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cổng TTĐT BTC *(để đăng tải)*;
- Lưu: VT, KHTC (03b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Bích Ngọc

BỘ TÀI CHÍNH

Phụ lục I

DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ĐẶC THÙ

(Kèm theo Quyết định số 2128 /QĐ-BTC ngày 06/ 8 /2026 của Bộ Tài chính)

STT	Danh mục tài sản cố định đặc thù
Loại 1	Tài sản không xác định được chi phí hình thành, không đánh giá được giá trị thực, nhưng yêu cầu phải quản lý chặt chẽ về hiện vật.
Loại 2	Quyền thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về sở hữu trí tuệ
1	Quyền tác giả
2	Quyền liên quan đến quyền tác giả
3	Quyền sở hữu công nghiệp
4	Quyền đối với giống cây trồng
Loại 3	Thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật

BỘ TÀI CHÍNH

Phụ lục II

DANH MỤC, THỜI GIAN SỬ DỤNG ĐỂ TÍNH HAO MÒN VÀ TỶ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

(Kèm theo Quyết định số 2128/QĐ-BTC ngày 06/8/2026 của Bộ Tài chính)

STT	Danh mục	Thời gian sử dụng để tính hao mòn *(năm)*	Tỷ lệ hao mòn *(% năm)*
I	**Sản phẩm phần mềm**		
1	Nhóm phần mềm hệ thống	5	20
2	Nhóm phần mềm ứng dụng	5	20
3	Nhóm phần mềm công cụ	5	20
4	Nhóm phần mềm tiện ích	5	20
5	Các phần mềm khác	5	20
II	**Tài sản cố định vô hình khác**	5	20

Ghi chú:

1. Đối với phần mềm thương mại sử dụng bản quyền có thời hạn và đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định vô hình, thời gian sử dụng để tính hao mòn được xác định theo thời hạn sử dụng bản quyền.

2. Danh mục chi tiết sản phẩm phần mềm quy định tại mục I Phụ lục này được xác định theo Danh mục sản phẩm phần mềm ban hành kèm theo Thông tư số 09/2013/TT-BTTTT ngày 08/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) về việc ban hành danh mục sản phẩm phần mềm và phần cứng, điện tử đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 20/2021/TT-BTTTT ngày 03/12/2021 và các văn bản sửa đổi bổ sung hoặc thay thế (nếu có) của Bộ Khoa học và Công nghệ./.